

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 16-5-2025

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Nhiếp;

Bà Phan Thị Trang Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 và ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị H, sinh năm 1962 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957 (xin vắng).

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người giám hộ cho bà C: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957 (là chồng bà C).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1988 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Tô Thị H trình bày:***

Bà H là hội viên có tham gia 03 dây hội do ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C là chủ hội, loại hội có lãi, chủ hội được hưởng hoa hồng, trong đó có 02 dây hội đã mãn ông S, bà C chung tiền hội đủ, riêng đối với dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 15/5/2018 âm lịch có 69 phần hội, một tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bà H tham gia 03 phần hội thì dây hội này bị đình hội. Dây hội này trong danh sách hội ghi tên người tham gia hội là: “9 D” (là tên chồng bà H), “Khánh 9 D” (tên con trai bà H), “Ngọc Hân 9 D” (tên con gái bà H) nhưng hội do bà H trực tiếp tham gia giao dịch với ông S, bà C, không liên quan đến ông D, anh K, chị H1. Chị N là con ruột của ông S, bà C có phụ giúp ông S, bà C trong việc thu gom và giao tiền hội cho các hội viên.

Dây hội này bà H đã hốt hết 02 phần hội nhưng ông S, bà C giao hội còn nợ lại số tiền là 10.000.000 đồng. Bà H còn 01 phần hội sống đóng đến kỳ thứ 49 thì ông S, bà C đình hội. Khi đình hội chủ hội gom hội viên lại để bốc thăm ai là người nhận tiền trước, ai là người nhận tiền sau, bà H bốc thăm trúng số 16, nên trừ 02 phần hội chết phải đóng lại là 8.000.000 đồng và trừ còn 600.000 đồng thì ông S, bà C còn nợ lại bà H số tiền 28.400.000 đồng. Cộng với số tiền nợ hội cũ 10.000.000 đồng nên ông S, bà C còn nợ bà H tổng số tiền 38.400.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C liên đới trả cho bà số tiền hội còn nợ là 38.400.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

**** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S và là người giám hộ cho bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*** Bà H yêu cầu ông S và bà C thanh toán tiền hội còn nợ cho bà H là 38.400.000 đồng thì ông S, bà C không đồng ý vì hội là do chị N con gái ông làm chủ. Ông S không rủ bà H vào hội, tuy nhiên trước đây bà C có rủ một số hội viên tham gia hội nhưng sau này bà C cũng bàn giao lại cho chị N. Chị N tự ý ghi tên ông S, bà C là chủ hội để tạo uy tín cho chị N. Bà H và chị N tự giao dịch hội với nhau nên số tiền hội còn thiếu lại của hai bên bao nhiêu thì ông không biết. Chữ viết ghi trên giấy giao hội không phải chữ viết của ông. Khi chị N vỡ hội, vì thương con nên ông đã bán đất để trả nợ cho một số hội viên. Nay khoản nợ hội của bà H thì chị N có trách nhiệm thanh toán cho bà H. Ông S và bà C không thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Hiện nay bà C bị bệnh tai biến nặng, không nhận thức được sự việc, sinh hoạt của bà C do ông S chăm sóc nên ông S xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:*** Chị N là con ruột của ông S, bà C. Cha mẹ chị là chủ hội tại địa phương, có mở nhiều dây hội trong đó có dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 15/5/2018 âm lịch có 69 phần hội, một tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bà H tham gia 03

phần hội đã hốt hết 02 phần hội, còn 01 phần hội sống. Dây hội này bị đình do nhiều hội viên hốt hội mà không đóng hội chết lại cho chủ hội. Chị N có phụ ông S, bà C thu gom và giao tiền hội nên chị N biết rõ ông S, bà C còn nợ tiền hội bà H số tiền 38.400.000 đồng. Chị N xác định ông S, bà Cam C2 trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền hội này. Do bận công việc gia đình nên chị N xin vắng mặt các phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:
 - + Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị.
 - + Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị H. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền hội còn nợ cho bà Tô Thị H là 38.400.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông S, bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tô Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C liên đới thanh toán số tiền hội còn nợ cho bà Tô Thị H là 38.400.000 đồng. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hội.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị C là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi nên ông Nguyễn Văn S là người giám hộ cho bà C là phù hợp với quy định tại Điều 23, 53, 54 Bộ luật Dân sự.

Bà Tô Thị H, ông Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Hằng N có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Ngọc H1 và anh Nguyễn Chí K nên Hội đồng xét xử không đưa ông D, chị H1, anh K tham gia tố tụng là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy, chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án là danh sách hội viên, giấy giao hội đã hốt thể hiện bà H có tham gia dây hội khai ngày 15/5/2018 âm lịch có 69 phần hội, một tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bà H tham gia 03

phần hội. Bà H cho rằng hội do ông S, bà C làm chủ và còn nợ tiền hội bà H là 38.400.000 đồng. Đối với ông S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H và cho rằng chủ hội là chị N, ông S, bà C không phải là chủ hội. Đối với chị N xác định chủ hội là ông S, bà C. Xét thấy, lời khai giữa các đương sự mâu thuẫn nhau nhưng do ông S, chị N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành đối chất giữa các đương sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Qua thu thập chứng cứ, trích lục hồ sơ khởi kiện thấy rằng: Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2022 của ông Nguyễn Văn S khởi kiện đối với bị đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 và ông Văn Công M1, sinh năm 1985 trú cùng địa chỉ ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau. Ông S yêu cầu bà M, ông M1 trả tiền hội cho ông tổng cộng 84.770.000 đồng, trong đó tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông S xác định ông là chủ hội đối với dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/5/2018 âm lịch có 69 phần hội, một tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bà M, ông M1 tham gia 02 phần hội. Ngoài ra bà M, ông M1 còn nợ tiền hội ông S ở hai dây hội 1.000.000 đồng khai năm 2018 và năm 2020. Vụ việc đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, hiện Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên được xem là chứng cứ dùng để giải quyết vụ án (bút lục từ 55 đến bút lục 98). Do đó, ông S cho rằng ông không phải chủ hội đối với dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/5/2018 âm lịch có 69 phần hội là không có căn cứ. Từ đó, cho thấy lời trình bày của bà H và chị N về việc ông S, bà C là chủ hội đối với dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/5/2018 âm lịch có 69 phần hội, bà H tham gia 03 phần hội là có căn cứ.

Mặt khác, qua xác minh các hội viên tham gia cùng dây hội với bà H đều xác định ông S, bà C là chủ hội và khi hội đình thì ông S, bà C cùng chị N có tổ chức bốc thăm cho các hội viên để xác định ai là người nhận tiền trước, ai là người nhận tiền sau. Các hội viên và chị N đều xác định ông S, bà C còn nợ tiền hội bà H số tiền 38.400.000 đồng (bút lục từ 34 đến bút lục 41).

Đối với ông S cho rằng vợ chồng ông không nợ tiền hội bà H nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại **khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự**.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà H không yêu cầu chị N liên đới thanh toán nợ, qua xem xét chứng cứ cho thấy chị N có phụ giúp ông S, bà C gom và giao hội nên Tòa án đưa chị N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ tiền hội của bà H hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông S, bà C nên buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C có trách

nhệm liên đới thanh toán cho bà Tô Thị H số tiền hui còn nợ 38.400.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471; Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biên, phường; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bà Tô Thị H có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Cam C1 thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông S và bà C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Cam C2 án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.920.000 đồng. Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ.

Nguyên đơn bà Tô Thị H không phải chịu án phí. Bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 23, 53, 54, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biên, phường; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H về việc khởi kiện đòi tiền hui ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Tô Thị H số tiền hui còn nợ là 38.400.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị C.

Bà Tô Thị H không phải chịu án phí và được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014](#) người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Ngân